



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN
(VISSAN)**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 34

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN (VISSAN)
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (Vissan) (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (Vissan) là đơn vị được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (Vissan) theo Quyết định số 4265/QĐ-UBND ngày 21 tháng 09 năm 2006 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000199 ngày 11 tháng 10 năm 2006 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300105356 ngày 14 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn TNHH Một thành viên.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 420 Nơ Trảng Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 158 tỷ đồng. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 116 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Cửa hàng thực phẩm Quận 1;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 4;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 5;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 6;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 8;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 10;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 11;
- Cửa hàng thực phẩm Quận Bình Thạnh;
- Cửa hàng thực phẩm Quận Gò Vấp;
- Cửa hàng thực phẩm Thủ Dầu Một, Bình Dương;
- Trạm kinh doanh thực phẩm;
- Trạm kinh doanh gia súc số 4;
- Chi nhánh Hà Nội;
- Chi nhánh Đà Nẵng;
- Xí nghiệp chế biến kinh doanh thực phẩm;
- Xí nghiệp chăn nuôi Gò Sao;
- Xí nghiệp chế biến kinh doanh rau quả.

Ngoài ra, Công ty có văn phòng đại diện đặt tại Số 12L Đường số 3, Phường Steung Meanchey, Thành phố Phnom Penh, Vương quốc Cambodia.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN (VISSAN)
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, vịt;
- Sản xuất, kinh doanh heo giống, heo thịt, bò giống, bò thịt;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý đổi ngoại tệ;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản, trồng trọt;
- Kinh doanh nước trái cây;
- Bán lẻ, bán buôn rượu bia, nước giải khát có gas;
- Sản xuất sợi các loại;
- Sản xuất, kinh doanh hàng kim khí điện máy, máy gia dụng và công nghiệp, vật tư;
- Kinh doanh ăn uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- Sản xuất, kinh doanh phân bón;
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác;
- Sản xuất, kinh doanh mua bán vải, sợi và nguyên liệu phụ liệu ngành vải sợi may mặc.

2. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Lê Minh Trang	Chủ tịch
Ông Mai Xuân Hội	Phó Chủ tịch
Ông Văn Đức Mười	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc An	Thành viên
Ông Trần Tấn An	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Anh Tùng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hồng Lương	Thành viên
Bà Võ Thị Nha	Thành viên

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴN (VISSAN)
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Văn Đức Mười	Tổng Giám đốc
Ông Mai Xuân Hội	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Xuân Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tấn An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Chi Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2013



VĂN ĐỨC MƯỜI



Số: 13.400/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN (VISSAN)**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh chi phí năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 03 tháng 05 năm 2013 của Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (Vissan) (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 06 đến trang 34 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị giới hạn bởi vấn đề sau:

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa trích khấu hao quyền sử dụng đất của Lô đất 35.029 m² tại Khu Công nghiệp Tân Tạo kể từ thời điểm nhận bàn giao với số tiền khấu hao ước tính là 3.661.347.982 đồng, và của Lô đất 224.012 m² để xây dựng Nhà máy tại Bến Lức, Long An với số tiền khấu hao ước tính là 4.552.485.812 đồng. Nếu Công ty thực hiện việc trích khấu hao các quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định hiện hành thì chỉ tiêu "Hao mòn lũy kế" tài sản cố định vô hình trên Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng 8.213.833.794 đồng, đồng thời các chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước", "Phải trả người lao động", "Quý khen thưởng, phúc lợi", "Vốn khác của chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp", "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2012 cũng sẽ thay đổi do ảnh hưởng của việc trích khấu hao này.

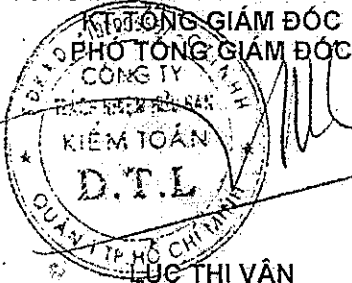


Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (Vissan) vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2013

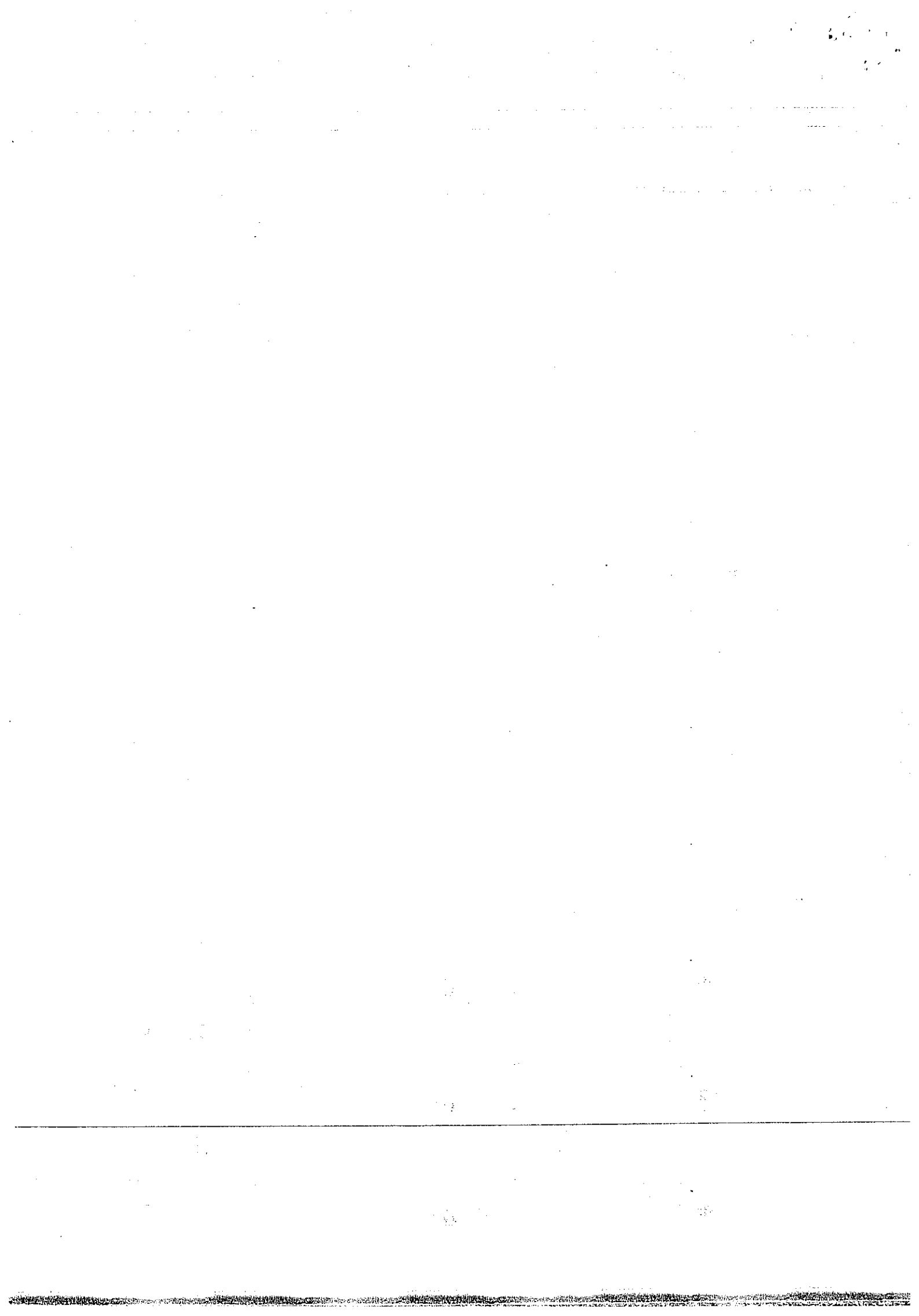
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL



LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ NGỌC BẢO
Chứng chỉ KTV số 2136/KTV



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÂN (VISSAN)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		745.599.928.776	869.221.806.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	69.861.361.343	108.074.818.294
1. Tiền	111		59.861.361.343	108.074.818.294
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	196.987.622.580	189.420.508.545
1. Phải thu khách hàng	131		179.789.463.510	159.340.564.271
2. Trả trước cho người bán	132		9.932.241.940	9.375.649.774
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		7.650.752.867	21.075.828.562
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(384.835.737)	(371.534.062)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	465.389.362.109	566.347.357.274
1. Hàng tồn kho	141		465.389.362.109	566.347.357.274
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.361.582.744	5.379.122.207
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.588.161.296	862.938.325
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.438.609	812.796.115
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		11.524.163	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	11.710.458.676	3.703.387.767

(Phần tiếp theo ở trang 7)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴN (VISSAN)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		258.884.643.010	244.539.301.537
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		241.705.336.251	230.272.008.252
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	115.401.489.263	103.069.235.471
+ Nguyên giá	222		278.523.928.978	249.173.464.635
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(163.122.439.715)	(146.104.229.164)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	120.832.659.418	121.641.851.323
+ Nguyên giá	228		122.298.130.602	122.298.130.602
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.465.471.184)	(656.279.279)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	5.471.187.570	5.560.921.458
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	5.029.807.712	4.329.832.500
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.512.670.000	5.512.670.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(482.862.288)	(1.182.837.500)
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.149.499.047	9.937.460.785
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.9)	10.498.849.047	8.496.810.785
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.650.650.000	1.440.650.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.004.484.571.786	1.113.761.107.857

(Phần tiếp theo ở trang 8)

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN (VISSAN)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		618.467.293.115	772.734.958.266
I. Nợ ngắn hạn	310		615.373.686.534	761.997.847.049
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	295.878.022.016	442.921.575.523
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	89.860.429.820	74.258.197.316
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	33.311.035.051	62.734.075.262
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	37.518.306.077	29.224.584.680
5. Phải trả người lao động	315	(5.13)	42.701.996.871	25.577.617.894
6. Chi phí phải trả	316		2.150.321.821	10.220.200.176
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.14)	34.668.640.639	41.072.186.573
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.15)	79.284.934.239	75.989.409.625
II. Nợ dài hạn	330		3.093.606.581	10.737.111.217
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		447.800.000	450.150.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.16)	2.645.806.581	6.101.806.581
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			4.185.154.636
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		386.017.278.671	341.026.149.591
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.17.1)	386.017.278.671	341.026.149.591
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.17.2)	158.000.000.000	158.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		186.590.462.169	146.057.626.602
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.272.614.502	1.272.614.502
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		39.500.000.000	34.741.706.487
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		654.202.000	954.202.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.17.3)		
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.004.484.571.786	1.113.761.107.857

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẼN (VISSAN)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.430.132.674.885	4.542.769.061.327
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(3.546.135.246.423)	(4.069.775.620.251)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(333.364.312.979)	(313.683.029.713)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(14.483.723.496)	(17.841.665.429)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(34.278.380.688)	(32.545.670.771)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		596.400.203.752	518.355.477.657
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(964.309.214.436)	(786.536.209.957)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		133.962.000.615	(159.257.657.137)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(24.072.947.645)	(38.530.313.292)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		87.465.000	139.007.684
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1.332.250.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			2.800.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.323.040.399	3.661.071.144
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.662.442.246)	(36.059.684.464)

(Phần tiếp theo ở trang 12)



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sẵn (Vissan) (dưới đây gọi tắt là Công ty) là đơn vị được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sẵn (Vissan) theo Quyết định số 4265/QĐ-UBND ngày 21 tháng 09 năm 2006 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000199 ngày 11 tháng 10 năm 2006 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300105356 ngày 14 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn TNHH Một thành viên.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 158 tỷ đồng. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 116 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Cửa hàng thực phẩm Quận 1;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 4;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 5;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 6;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 8;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 10;
- Cửa hàng thực phẩm Quận 11;
- Cửa hàng thực phẩm Quận Bình Thạnh;
- Cửa hàng thực phẩm Quận Gò Vấp;
- Cửa hàng thực phẩm Thủ Dầu Một, Bình Dương;
- Trạm kinh doanh thực phẩm;
- Trạm kinh doanh gia súc số 4;
- Chi nhánh Hà Nội;
- Chi nhánh Đà Nẵng;
- Xi nghiệp chế biến kinh doanh thực phẩm;
- Xi nghiệp chăn nuôi Gò Sao;
- Xi nghiệp chế biến kinh doanh rau quả;

Ngoài ra, Công ty có văn phòng đại diện đặt tại Số 12L Đường số 3, Phường Steung Meanchey, Thành phố Phnom Penh, Vương quốc Cambodia.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh thịt heo, thịt trâu bò, thịt gia cầm, hải sản, thịt chế biến, thịt hộp, trứng gà, vịt;
- Sản xuất, kinh doanh heo giống, heo thịt, bò giống, bò thịt;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý đổi ngoại tệ;
- Dịch vụ kỹ thuật về chăn nuôi heo, bò;
- Sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc;
- Kinh doanh rau củ quả, lương thực (các loại bột ngũ cốc), lương thực chế biến (mì ăn liền);
- Kinh doanh rau quả các loại, rau quả chế biến, các loại gia vị và hàng nông sản, trồng trọt;
- Kinh doanh nước trái cây;
- Bán lẻ, bán buôn rượu bia, nước giải khát có gas;
- Sản xuất sợi các loại;
- Sản xuất, kinh doanh hàng kim khí điện máy, máy gia dụng và công nghiệp, vật tư;
- Kinh doanh ăn uống, cung cấp thức ăn theo hợp đồng (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- Sản xuất, kinh doanh phân bón;
- Kinh doanh các mặt hàng công nghệ phẩm và tiêu dùng phẩm và tiêu dùng khác;
- Sản xuất, kinh doanh mua bán vải, sợi và nguyên liệu phụ liệu ngành vải sợi may mặc.

1.3. Đặc điểm mùa vụ kinh doanh

Công ty sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm nên nhu cầu dự trữ hàng vào các dịp lễ, tết cao hơn so với thời điểm bình thường.

1.4. Sự kiện ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

Ngày 12 tháng 04 năm 2007, Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 1582/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (Vissan) thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên.

Ngày 25 tháng 07 năm 2008, Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có thông báo số 588/TB-VP chấp thuận cho Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản (Vissan) được giảm tiến độ cổ phần hóa để hoàn tất xây dựng Nhà máy tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An và đi vào hoạt động.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SÀN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

▪ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

▪ Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SẴN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
+ Máy móc, thiết bị	07 - 30 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng được ghi nhận trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Lương

Căn cứ theo Nghị quyết 1992/NQHĐTV2012.12-TCT ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn TNHH Một thành viên về việc đăng ký đơn giá tiền lương năm 2012 của Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sàn (Vissan).

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.9. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được hạch toán tăng thu nhập khác theo quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế

Công ty áp dụng loại hình công ty đặc thù trong việc phân phối lợi nhuận năm 2012 theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2010/TT-BTC ngày 17 tháng 09 năm 2010 của Bộ Tài Chính.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành (thuế suất 25%).
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.13. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CHỖ
ĐÓNG
CHỮ
KÝ

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	14.803.310.500	23.763.646.900
Tiền gửi ngân hàng	45.058.050.843	84.311.171.394
Các khoản tương đương tiền	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>69.861.361.343</u>	<u>108.074.818.294</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	179.789.463.510	159.340.564.271
Trả trước cho người bán	9.932.241.940	9.375.649.774
Các khoản phải thu khác	<u>7.650.752.867</u>	<u>21.075.828.562</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	<u>197.372.458.317</u>	<u>189.792.042.607</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(384.835.737)</u>	<u>(371.534.062)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>196.987.622.580</u>	<u>189.420.508.545</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Xí nghiệp Rau quả phải thu tiền bán hàng	-	14.622.769.795
Phải thu Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh	3.095.153.456	3.095.153.456
Phải thu công nhân viên tiền thuế thu nhập cá nhân	1.609.939.160	1.762.182.831
Phải thu lãi cổ tức của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	202.066.850	8.000
Khác	<u>2.743.593.401</u>	<u>1.595.714.480</u>
Cộng	<u>7.650.752.867</u>	<u>21.075.828.562</u>

**TÔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Phải thu Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh là khoản phải thu chưa được quyết toán, liên quan đến việc bán mặt bằng số 9A Khu phố 1, Phường Thạnh Xuân, Quận 12 của Xí nghiệp chăn nuôi Gò Sao thực hiện theo công văn số 2183/STC-NS ngày 18 tháng 03 năm 2009, được chi tiết như sau:

Giá trị còn lại của tài sản trên đất	1.682.873.141
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.241.444.775
Phi thẩm định giá	20.000.000
Khác	150.835.540
Cộng	3.095.153.456

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	1.171.946.225	6.096.865.291
Nguyên liệu, vật liệu	72.083.037.118	74.426.781.051
Công cụ, dụng cụ	36.153.433.501	54.291.236.622
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.271.306.114	7.610.043.796
Thành phẩm	321.535.518.750	384.676.406.532
Hàng hóa	28.040.477.615	39.160.650.276
Hàng gửi đi bán	133.642.786	85.373.706
Cộng giá gốc hàng tồn kho	465.389.362.109	566.347.357.274
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	465.389.362.109	566.347.357.274

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	11.685.179.076	3.674.108.167
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.279.600	29.279.600
Tổng cộng	11.710.458.676	3.703.387.767

(Phần tiếp theo ở trang 21)

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	42.480.035.703	147.748.493.339	36.049.181.961	22.895.753.632	249.173.464.635
Mua trong năm	-	11.953.382.361	1.044.187.000	6.207.724.708	19.205.294.069
Đầu tư XDCB hoàn thành	8.150.665.687	2.152.848.234	-	389.859.100	10.693.373.021
Tăng khác	228.784.724	-	-	91.234.400	320.019.124
Thanh lý, nhượng bán	(158.712.600)	(244.019.381)	(16.766.000)	(357.489.490)	(776.987.471)
Giảm khác	-	(91.234.400)	-	-	(91.234.400)
Số dư cuối năm	50.700.773.514	161.519.470.153	37.076.602.961	29.227.082.350	278.523.928.978
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	27.655.652.119	89.238.438.888	16.905.679.815	12.304.458.342	146.104.229.164
Khấu hao trong năm	1.141.616.021	10.114.615.438	3.199.501.204	2.976.151.559	17.431.884.222
Tăng khác	210.106.292	-	-	58.422.299	268.528.591
Thanh lý, nhượng bán	(110.691.840)	(224.149.591)	(16.766.000)	(272.172.532)	(623.779.963)
Giảm khác	-	(58.422.299)	-	-	(58.422.299)
Số dư cuối năm	28.896.682.592	99.070.482.436	20.088.415.019	15.066.859.668	163.122.439.715
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	14.824.383.584	58.510.054.451	19.143.502.146	10.591.295.290	103.069.235.471
Tại ngày cuối năm	21.804.090.922	62.448.987.717	16.988.187.942	14.160.222.682	115.401.489.263

- Nguyên giá của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 23.532.590.450 đồng - Xem thêm mục 5.16.
- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 84.217.817.578 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	122.298.130.602
Mua trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>122.298.130.602</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	656.279.279
Khấu hao trong năm	280.015.932
Tăng khác	529.175.973
Số dư cuối năm	<u>1.465.471.184</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	121.641.851.323
Tại ngày cuối năm	<u>120.832.659.418</u>

- Đối với quyền sử dụng 35.029 m² đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo với nguyên giá là 37.935.356.130 đồng, đến nay Công ty vẫn chưa nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Nguyên giá của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 107.539.923.102 đồng - Xem thêm mục 5.10.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng dự án tại Xã Lương Bình, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	3.274.235.835	2.209.024.456
Chi phí khảo sát thăm tra đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo	456.409.462	501.981.558
Chi phí triển khai phần mềm kế toán	637.500.000	-
Chi phí tư vấn triển khai chiến lược và nhận diện thương hiệu	511.101.000	-
Chi phí xây dựng dự án Xí nghiệp chăn nuôi tại Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	385.519.545	377.454.545
Chi phí nâng cấp Xưởng Chế biến Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh	169.036.364	-
Chi phí lắp đặt nồi thanh trùng số 8	-	2.136.651.898
Khác	37.385.364	335.809.001
Tổng cộng	<u>5.471.187.570</u>	<u>5.560.921.458</u>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư mua 591.743 cổ phần của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	5.512.670.000	5.512.670.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(482.862.288)	(1.182.837.500)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	5.029.807.712	4.329.832.500

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê đất ở Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh	2.136.295.998	2.194.152.846
Chi phí sửa chữa cầu đường	1.679.589.052	-
Khác	6.682.963.997	6.302.657.939
Tổng cộng	10.498.849.047	8.496.810.785

5.10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	242.422.022.016	389.465.575.523
Nợ dài hạn đến hạn trả Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh	50.000.000.000	50.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh - Xem thêm mục 5.16	3.456.000.000	3.456.000.000
Tổng cộng	295.878.022.016	442.921.575.523

Vay ngắn hạn có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh	109.117.333.333	105.748.333.333
Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh	77.500.000.000	77.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh	54.999.468.360	197.212.021.867
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Hệ Thống Phân Phối Việt Nam	-	8.000.000.000
Nhân viên Công ty	805.220.323	1.005.220.323
Cộng	242.422.022.016	389.465.575.523

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Trong đó:

Vay Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ủy thác số 88/2012/HĐTD-ĐTTC-UT ngày 04 tháng 05 năm 2012 và Phụ lục hợp đồng số 268/2012/PLHĐTD-ĐTTC-UT ngày 10 tháng 09 năm 2012 với mục đích thu mua, sản xuất kinh doanh tạo nguồn hàng mặt hàng thịt heo và trứng gia cầm bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012 và Tết Nguyên đán năm 2013 theo Quyết định phê duyệt số 1750/QĐ-UBND ngày 30 tháng 03 năm 2012 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh với phí ủy thác là 0,15%/tháng, khoản vay không phải chịu lãi suất và không phải thế chấp tài sản.

Vay Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh với số dư cuối kỳ 77,5 tỷ đồng là khoản vay không phải chịu lãi suất.

Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 12.22.0108/HĐTD ngày 01 tháng 10 năm 2012 với lãi suất được điều chỉnh theo từng giấy nhận nợ; mục đích vay bổ sung vốn lưu động thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, khoản vay này được thế chấp bằng:

- Quyền sử dụng đất tại Xã Lương Bình, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An - Xem thêm mục 5.6;
- Quyền sử dụng đất thuê lại của Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Tân Tạo (ITACO), quyền sở hữu của Nhà nước đối với nhà Số 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh - Xem thêm mục 5.6.

Vay nhân viên Công ty với lãi suất không kỳ hạn là 0,5%/tháng và lãi suất có kỳ hạn 1 tháng trở lên là 0,5%/tháng.

Nợ dài hạn đến hạn trả Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh với số dư cuối kỳ là 50 tỷ đồng là khoản vay theo hợp đồng số 03/2004/TC-NX-NS ngày 27 tháng 09 năm 2004, có thời hạn 2 năm, lãi suất do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định. Khoản vay được gia hạn thời gian hoàn trả đến khi hoàn tất việc bán đấu giá mặt bằng số 9A Khu phố 1, Phường Thanh Xuân, Quận 12 của Xi nghiệp chăn nuôi Gò Sao. Tuy nhiên, đến nay mặt bằng này đã được bán và số tiền thu được đã được tổ chức bán đấu giá chuyển về cho Sở Tài Chính.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	89.860.429.820	74.258.197.316
Người mua trả tiền trước	<u>33.311.035.051</u>	<u>62.734.075.262</u>
Tổng cộng	<u>123.171.464.871</u>	<u>136.992.272.578</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	29.293.479.911	18.150.563.448
Thuế xuất, nhập khẩu	-	78.610.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.158.264.029	6.999.762.076
Thuế thu nhập cá nhân	138.968.641	2.384.482.401
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	<u>1.927.593.496</u>	<u>1.611.166.272</u>
Tổng cộng	<u>37.518.306.077</u>	<u>29.224.584.680</u>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương nhưng thực tế chưa chi.

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả các khoản thưởng, chiết khấu bán hàng cho hệ thống siêu thị	17.006.644.158	18.371.830.265
Phải trả khoản hỗ trợ bán hàng cho các chi nhánh, cửa hàng, đại lý của Công ty	4.191.680.916	5.502.040.134
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	574.511.815	300.562.249
Phải trả khác	12.895.803.750	16.897.753.925
Tổng cộng	34.668.640.639	41.072.186.573

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	75.989.409.625	40.501.619.887
Trích lập trong năm	51.462.805.054	54.414.193.013
Tặng khác	6.223.211.135	-
Sử dụng trong năm	(54.390.491.575)	(18.926.403.275)
Số dư cuối năm	79.284.934.239	75.989.409.625

5.16. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn	6.101.806.581	9.557.806.581
Trừ vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.10	(3.456.000.000)	(3.456.000.000)
Tổng cộng	2.645.806.581	6.101.806.581

Vay dài hạn là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 11.35.0078/HĐTD ngày 20 tháng 06 năm 2011, mục đích vay bổ sung vốn lưu động trung dài hạn để đầu tư máy móc thiết bị mở rộng sản xuất kinh doanh và bù đắp nguồn vốn huy động tạm thời để thanh toán các chi phí của dự án "Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị phục vụ sản xuất".

Khoản vay có thời hạn vay 60 tháng với lãi suất 18,6%/năm và được thế chấp bằng nguyên giá tài sản cố định có giá trị 23.532.590.450 đồng - Xem thêm mục 5.5.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được ghi chú khác

5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Nguồn vốn của Công ty được đầu tư bởi Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn TNHH Một thành viên.

5.17.3. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	-	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	100.356.384.225	93.935.447.640
Điều chỉnh giảm	<u>(3.121.128.523)</u>	-
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	97.235.255.702	93.935.447.640
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(4.758.293.513)	(9.393.544.764)
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(51.462.805.054)	(54.414.193.013)
Trích lập Vốn khác của chủ sở hữu	<u>(40.514.157.135)</u>	<u>(29.627.709.863)</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	-	-

Điều chỉnh giảm lợi nhuận là khoản điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2011 của Tổng cục thuế ngày 25 tháng 09 năm 2012 và khoản điều chỉnh chi phí khấu hao quyền sử dụng đất tại Bàu Bàng, Xã Lai Uyên, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương kể từ thời điểm nhận bàn giao đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

(Phần tiếp theo ở trang 28)

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	3.673.986.767.433	3.894.412.033.492
Các khoản giảm trừ	(7.889.564.402)	(18.173.132.783)
Doanh thu thuần	3.666.097.203.031	3.876.238.900.709

6.2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.773.040.399	2.128.012.681
Cổ tức, lợi nhuận được chia	202.058.850	200.808.463
Lãi chênh lệch tỷ giá	362.291.613	1.120.362.025
Khác	67.533	-
Tổng cộng	3.337.458.395	3.449.183.169

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.923.640.301	18.723.647.231
Chiết khấu thanh toán	5.560.219.229	3.490.449.532
Lỗ chênh lệch tỷ giá	123.809.534	2.150.420.101
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(699.975.212)	1.182.837.500
Khác	83.610.219	116.023.299
Tổng cộng	18.991.304.071	25.663.377.663

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	105.183.904.745	70.208.362.447
Chi phí vật liệu, bao bì	12.829.433.235	11.289.862.432
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	23.796.896.637	17.192.347.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.904.727.962	5.348.580.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.959.397.147	37.906.208.025
Chi phí bằng tiền khác	119.216.770.923	70.374.739.404
Tổng cộng	310.891.130.649	212.320.099.744

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SỨC SÀN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	151.214.344.932	197.259.696.183
Chi phí vật liệu quản lý	6.270.814.026	6.465.619.553
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.431.381.674	5.280.196.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.480.226.113	4.612.778.264
Thuế, phí và lệ phí	23.543.935.375	13.846.723.103
Chi phí dự phòng	13.301.675	2.171.149.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.657.542.646	6.855.638.231
Chi phí bằng tiền khác	23.348.479.851	17.811.489.454
Tổng cộng	228.960.026.292	254.303.290.538

6.7. Thu nhập khác

Chủ yếu là khoản hoàn nhập số dư quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm với số tiền là 3.466.121.870 đồng.

6.8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	131.252.674.432	125.384.861.234
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.788.532.740	1.951.752.260
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(9.456.046.345)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	123.585.160.827	127.336.613.494
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	30.896.290.207	31.875.871.118
Trừ thuế TNDN được giảm 30%	-	(426.457.524)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	30.896.290.207	31.449.413.594

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật về thuế.
- Thủ lao trả cho thành viên Hội đồng thành viên không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản phải thu có gốc ngoại tệ.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là khoản hoàn nhập chi phí trích trước đã tính vào thu nhập chịu thuế năm trước; thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn sau khi bên nhận góp vốn đã nộp thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN và lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền có gốc ngoại tệ.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.228.516.605.075	2.473.517.822.829
Chi phí nhân công	369.494.214.235	369.799.849.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.711.900.154	15.612.676.662
Chi phí dự phòng	13.301.675	2.171.149.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.042.859.940	73.575.188.097
Chi phí bằng tiền khác	<u>243.919.607.189</u>	<u>165.696.595.412</u>
Tổng cộng	<u>2.953.698.488.268</u>	<u>3.100.373.282.332</u>

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các bên sau đây được xem là có liên quan với Công ty:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn TNHH Một thành viên	Công ty mẹ
2. Ông Văn Đức Mười	Tổng Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư công nợ phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả	-	23.475.900

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng	-	458.228.017
Mua hàng	566.946.460	1.053.821.500

- Lương Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng thành viên:

	Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	3.439.240.130	3.575.233.500
Thù lao Hội đồng thành viên	<u>314.600.000</u>	<u>300.000.000</u>
Tổng cộng	<u>3.753.840.130</u>	<u>3.875.233.500</u>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẴN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.861.361.343	108.074.818.294
Phải thu khách hàng và phải thu khác	183.884.624.827	177.197.244.667
Đầu tư dài hạn khác	5.029.807.712	4.329.832.500
Tài sản tài chính khác	<u>1.675.929.600</u>	<u>1.469.929.600</u>
Tổng cộng	<u>260.451.723.482</u>	<u>291.071.825.061</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	298.523.828.597	449.023.382.104
Phải trả người bán và phải trả khác	123.573.353.087	111.306.100.960
Chi phí phải trả	<u>2.150.321.821</u>	<u>10.220.200.176</u>
Tổng cộng	<u>424.247.503.505</u>	<u>570.549.683.240</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN (VISSAN)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

▪ **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	101.778,29	75.195,00	347.635,86	195.012,80
<i>Euro (EUR)</i>	3.150,00	5.816,00	166,25	171,77

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tình thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.